**CÁC NGÀNH GIUN**

**Câu 1.** Hình dạng của sán lông là

A. hình trụ tròn.         B. hình sợi dài.

C. hình lá.         D. hình dù.

**Câu 2.** Đặc điểm nào sau đây có ở vòng đời của sán lá gan?

A. Thay đổi nhiều vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng.

B. Trứng, ấu trùng và kén có hình dạng giống nhau.

C. Sán trưởng thành sẽ kết bào xác vào mùa đông.

D. Ấu trùng sán có tỉ lệ trở thành sán trưởng thành cao.

**Câu 3.**Sán lá gan có bao nhiêu giác bám để bám để bám chắc vào nội tạng vật chủ?

A. 1            B. 2               C. 3               D. 4

**Câu 4.** Sán lông và sán lá gan giống nhau ở điểm nào sau đây?

A. Phương thức di chuyển.

B. Lối sống.

C. Hình dạng cơ thể.

D. Mức độ phát triển thị giác.

**Câu 5.**Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lông?

A. Có lông bơi.

B. Có giác bám.

C. Mắt tiêu giảm.

D. Sống kí sinh.

**Câu 6.** Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lá gan?

A. Miệng nằm ở mặt bụng.

B. Mắt và lông bơi tiêu giảm.

C. Cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng kém phát triển.

D. Có cơ quan sinh dục đơn tính.

**Câu 7.** Vòng đời của sán lá gan có đặc điểm nào dưới đây?

A. Thay đổi nhiều vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng.

B. Trứng, ấu trùng và kén có hình dạng giống nhau.

C. Sán trưởng thành kết bào xác vào mùa đông.

D. Ấu trùng sán có khả năng hoá sán trưởng thành cao.

**Câu 8.** Phát biểu nào sau đây về sán lá gan là đúng ?

A. Thích nghi với lối sống bơi lội tự do.

B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn.

C. Sán lá gan không có giác bám.

D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính.

**Câu 9.** Vật chủ trung gian thường thấy của sán lá gan là gì?

A. Cá.            B. Ốc             C. Trai.            D. Hến.

**Câu 10.** Đặc điểm nào dưới đây là của sán dây?

A. Sống tự do.

B. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.

C. Mắt và lông bơi phát triển.

D. Cơ thể đơn tính.

**Câu 11.**Loài sán nào dưới đây trên thân gồm hàng trăm đốt sán, mỗi đốt đều mang một cơ quan sinh dục lương tính?

A. Sán lá gan.         B. Sán lá máu.

C. Sán bã trầu.         D. Sán dây.

**Câu 12.**Phát biểu nào sau đây về sán dây là đúng?

A. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.

B. Là động vật đơn tính.

C. Cơ quan sinh dục kém phát triển.

D. Phát triển không qua biến thái.

**Câu 13.**Trong các nhóm sinh vật sau, nhóm nào đều gồm các sinh vật có đời sống kí sinh?

A. sán lá gan, sán dây và sán lông.

B. sán dây và sán lá gan.

C. sán lông và sán lá gan.

D. sán dây và sán lông.

**Câu 14.**Đặc điểm chung nổi bật nhất ở các đại diện ngành Giun dẹp là gì?

A. Ruột phân nhánh.

B. Cơ thể dẹp.

C. Có giác bám.

D. Mắt và lông bơi tiêu giảm.

**Câu 15.**Loài giun dẹp nào dưới đây sống kí sinh trong máu người ?

A. Sán bã trầu.         B. Sán lá gan.

C. Sán dây.         D. Sán lá máu.

**Câu 16.** Đặc điểm nào dưới đây có ở sán dây ?

A. Sống tự do.

B. Mắt và lông bơi phát triển.

C. Cơ thể đơn tính.

D. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.

**Câu 17.** Nhóm nào dưới đây có giác bám?

A. sán dây và sán lông.

B. sán dây và sán lá gan.

C. sán lông và sán lá gan.

D. sán lá gan, sán dây và sán lông.

**Câu 18.** Nhóm nào dưới đây gồm toàn những giun dẹp có cơ quan sinh dục lưỡng tính ?

A. Sán lông, sán lá máu, sán lá gan, sán bã trầu.

B. Sán lông, sán dây, sán lá máu, sán bã trầu.

C. Sán lông, sán dây, sán lá gan, sán bã trầu.

D. Sán lông, sán dây, sán lá gan, sán lá máu.

**Câu 19.** Trong các biện pháp sau, có bao nhiêu biện pháp được sử dụng để phòng ngừa giun sán cho người ?

1. Ăn thức ăn nấu chín, uống nước đun sôi để nguội.

2. Sử dụng nước sạch để tắm rửa.

3. Mắc màn khi đi ngủ.

4. Không ăn thịt lợn gạo.

5. Rửa sạch rau trước khi chế biến.

Số ý đúng là

A. 2.            B. 3.               C. 4.               D. 5.

**Câu 20.** Ý nghĩa sinh học của việc giun đũa cái dài và mập hơn giun đũa đực là

A. giúp con cái bảo vệ trứng trong điều kiện sống kí sinh.

B. giúp tạo và chứa đựng lượng trứng lớn.

C. giúp tăng khả năng ghép đôi vào mùa sinh sản.

D. giúp tận dụng được nguồn dinh dưỡng ở vật chủ.

**Câu 21.**Giun đũa gây ảnh hưởng như thế nào với sức khoẻ con người?

A. Hút chất dinh dưỡng ở ruột non, giảm hiệu quả tiêu hoá, là cơ thể suy nhược.

B. Số lượng lớn sẽ làm tắc ruột, tắc ống dẫn mật, gây nguy hiểm đến tính mạng con người.

C. Sinh ra độc tố gây hại cho cơ thể người.

D. Cả A và B đều đúng.

**Câu 22.**Trứng giun đũa xâm nhập vào cơ thể người chủ yếu thông qua đường nào?

A. Đường tiêu hoá.

B. Đường hô hấp.

C. Đường bài tiết nước tiểu.

D. Đường sinh dục.

**Câu 23.**Giun đũa chui được qua ống mật nhờ đặc điểm nào sau đây?

A. Cơ dọc kém phát triển.

B. Không có cơ vòng.

C. Giác bám tiêu giảm.

D. Đầu nhọn.

**Câu 24.**Vì sao khi kí sinh trong ruột non, giun đũa không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa?

A. Vì giun đũa chui rúc dưới lớp niêm mạc của ruột non nên không bị tác động bởi dịch tiêu hóa.

B. Vì giun đũa có khả năng kết bào xác khi dịch tiêu hóa tiết ra.

C. Vì giun đũa có lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể.

D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 25.**Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau:

Trứng giun đũa theo …(1)… ra ngoài, gặp ẩm và thoáng khí phát triển thành dạng …(2)… trong trứng. Người ăn phải trứng giun, đến …(3)… thì ấu trùng chui ra, vào máu, qua gan, tim, phổi rồi về lại ruột non lần hai mới kí sinh tại đây.

A. (1): phân; (2): ấu trùng; (3): ruột non.

B. (1): phân; (2): kén; (3): ruột già.

C. (1): nước tiểu; (2): kén; (3): ruột non.

D. (1): mồ hôi; (2): ấu trùng; (3): ruột già.

**Câu 26.** Phát biểu nào sau đây về giun đũa là đúng ?

A. Có lỗ hậu môn.

B. Tuyến sinh dục kém phát triển.

C. Cơ thể dẹp hình lá.

D. Sống tự do.

**Câu 27:**Giun kim khép kín được vòng đời do thói quen nào ở trẻ em?

A. Đi chân đất.

B. Ngoáy mũi.

C. Cắn móng tay và mút ngón tay.

D. Xoắn và giật tóc.

**Câu 28:** Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào không phải là đặc điểm chung của các giun tròn?

A. Phần lớn sống kí sinh.

B. Ruột phân nhánh.

C. Tiết diên ngang cơ thể tròn.

D. Bắt đầu có khoang cơ thể chính thức.

**Câu 29:** Trong các đặc điểm sau, đâu là điểm khác nhau giữa sán lá gan và giun đũa?

A. Sự phát triển của các cơ quan cảm giác.

B. Tiết diện ngang cơ thể.

C. Đời sống.

D. Con đường lây nhiễm.

**Câu 30:**Phát biểu nào sau đây về giun tròn là sai?

A. Bắt đầu có khoang cơ thể chưa chính thức.

B. Phần lớn sống kí sinh.

C. Tiết diện ngang cơ thể tròn.

D. Ruột phân nhánh.

**Câu 31:**Có bao nhiêu biện pháp phòng chống giun kí sinh trong cơ thể người trong số những biện pháp dưới đây?

1. Uống thuốc tẩy giun định kì.

2. Không đi chân không ở những vùng nghi nhiễm giun.

3. Không dùng phân tươi bón ruộng.

4. Rửa rau quả sạch trước khi ăn và chế biến.

5. Rửa tay với xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.

Số ý đúng là

A. 5.               B. 4.               C. 3.               D. 2.

**Câu 32:**Tập hợp nào sau đây gồm các đại diện của ngành Giun tròn?

A. Đỉa, giun đất.

B. Giun kim, giun đũa.

C. Giun đỏ, vắt.

D. Lươn, sá sùng.

**Câu 33:**Đặc điểm nào sau đây không có ở các đại diện của ngành Giun tròn?

A. Sống trong đất ẩm, nước hoặc kí sinh trong cơ thể các động vật, thực vật và người.

B. Cơ thể hình trụ, thuôn 2 đầu, bắt đầu có khoang cơ thể chưa chính thức.

C. Phân biệt đầu - đuôi, lưng - bụng.

D. Cơ quan tiêu hoá bắt đầu từ miệng và kết thúc ở hậu môn.

**Câu 34:**Vai trò của lớp cuticun đối với giun tròn là

A. giúp thẩm thấu chất dinh dưỡng.

B. tạo ra vỏ ngoài trơn nhẵn.

C. tăng khả năng trao đổi khí.

D. bảo vệ giun tròn khỏi sự tiêu huỷ của các dịch tiêu hoá.

**Câu 35:**Vì sao tỉ lệ mắc giun đũa ở nước ta còn ở mức cao?

A. Nhà tiêu, hố xí… chưa hợp vệ sinh, tạo điều kiện cho trứng giun phát tán.

B. Điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa khiến ruồi, muỗi phát triển làm phát tán bệnh giun.

C. Ý thức vệ sinh cộng đồng còn thấp (ăn rau sống, tưới rau bằng phân tươi…).

D. Cả A, B và C đều đúng.

**Câu 36:** Loài giun nào gây ra bệnh chân voi ở người?

A. Giun móc câu.      B. Giun chỉ.      C. Giun đũa.      D. Giun kim.

**Câu 37.** Giun đất không có răng, bộ phận nào trong ống tiêu hoá giúp giun đất nghiền nhỏ thức ăn?

A. Hầu. B. Diều. C. Dạ dày cơ. D. Ruột tịt.

**Câu 38.**Quá trình tiêu hoá hoá học diễn ra ở cơ quan nào của ống tiêu hoá của giun đất?

A. Ruột tịt.B. Dạ dày cơ.C. Diều.D. Hầu.

**Câu 39.**Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau:

Khi sinh sản, hai con giun đất chập …(1)… vào nhau và trao đổi …(2)….

A. (1): phần đầu; (2): tinh dịch

B. (1): phần đuôi; (2): trứng

C. (1): phần đuôi; (2): tinh dịch

D. (1): đai sinh dục; (2): trứng

**Câu 40.**Giun đất chưa có tim chính thức, cơ quan nào đóng vai trò như tim ở giun đất?

A. Mạch vòng giữa thân.

B. Mạch vòng vùng hầu.

C. Mạch lưng.

D. Mạch bụng.

**Câu 41.** Vì sao khi mưa nhiều, trên mặt đất lại có nhiều giun?

A. Vì giun đất chỉ sống được trong điều kiện độ ẩm đất thấp.

B. Vì nước ngập cơ thể nên chúng bị ngạt thở.

C. Vì nước mưa gây sập lún các hang giun trong đất.

D. Vì nước mưa làm trôi lớp đất xung quanh giun.

**Câu 42.** Cơ quan thần kinh của giun đất bao gồm

A. hai hạch não và hai hạch dưới hầu.

B. hạch não và chuỗi thần kinh bụng.

C. hạch hầu và chuỗi thần kinh bụng.

D. vòng hầu và chuỗi thần kinh bụng.

**Câu 43.** Phát biều nào sau đây về giun đất là sai?

A. Hệ thần kinh của giun đất là hệ thần kinh dạng chuỗi hạch.

B. Giun đất là động vật lưỡng tính.

C. Giun đất có hệ tuần hoàn hở.

D. Giun đất hô hấp qua phổi.

**Câu 44.**Thức ăn của giun đất là gì?

A. Động vật nhỏ trong đất.

B. Chất dinh dưỡng trong ruột của vật chủ.

C. Vụn thực vật và mùn đất.

D. Rễ cây.

**Câu 45.** Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau:

Khi sinh sản, hai con giun đất chập …(1)… vào nhau và trao đổi …(2)….

A. (1): phần đầu; (2): tinh dịch

B. (1): phần đuôi; (2): trứng

C. (1): phần đuôi; (2): tinh dịch

D. (1): đai sinh dục; (2): trứng

**Câu 46.** Ở giun đất, chất dinh dưỡng được hấp thụ qua

A. thành ruột tịt.

B. thành ruột.

C. thành dạ dày cơ.

D. thành thực quản.

**Câu 47.**Đặc điểm nhận dạng đơn giản nhất của các đại diện ngành Giun đốt là

A. hô hấp qua mang.

B. cơ thể thuôn dài và phân đốt.

C. hệ thần kinh và giác quan kém phát triển.

D. di chuyển bằng chi bên.

**Câu 48.** Phát biểu nào sau đây về đỉa là sai?

A. Ruột tịt cực kì phát triển.

B. Bơi kiểu lượn sóng.

C. Sống trong môi trường nước lợ.

D. Có đời sống kí sinh toàn phần.

**Câu 49.** Phát biểu nào sau đây về rươi là đúng?

A. Cơ thể phân đốt và chi bên có tơ.

B. Sống trong môi trường nước mặn.

C. Cơ quan cảm giác kém phát triển.

D. Có đời sống bán kí sinh gây hại cho người và động vật.

**Câu 50.** Đặc điểm nào sau đây giúp đỉa thích nghi với lối sống kí sinh?

A. Các tơ chi tiêu giảm.

B. Các manh tràng phát triển để chứa máu.

C. Giác bám phát triển.

D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 51.** Rươi di chuyển bằng

A. giác bám.

B. hệ cơ thành cơ thể.

C. chi bên.

D. tơ chi bên.

**Câu 52.** Nhóm nào dưới đây gồm toàn những đại diện của ngành Giun đốt?

A. Rươi, giun móc câu, sá sùng, vắt, giun chỉ.

B. Giun đỏ, giun chỉ, sá sùng, đỉa, giun đũa.

C. Rươi, giun đất, sá sùng, vắt, giun đỏ.

D. Giun móc câu, bông thùa, đỉa, giun kim, vắt.

**Câu 53.** Đặc điểm nào ở đỉa giúp chúng thích nghi với lối sống bán kí sinh ?

A. Các sợi tơ tiêu giảm.

B. Ống tiêu hóa phát triển các manh tràng để chứa máu.

C. Giác bám phát triển để bám vào vật chủ.

D. Cả A, B và C đều đúng.

**Câu 54.** Sá sùng sống trong môi trường

A. nước ngọt.      B. nước mặn.      C. nước lợ.         D. đất ẩm.

**Câu 55.** Trong số các đặc điểm sau, đặc điểm có ở các đại diện của ngành Giun đốt là

1. Cơ thể phân đốt.

2. Có xoang cơ thể.

3. Bắt đầu có hệ tuần hoàn.

4. Hô hấp qua da hoặc mang.

Số phương án đúng là

A. 1               B. 2               C. 3            D. 4